

Số: /TB-BV
V/v Thông báo công khai
mời báo giá.

Hoàng Su Phì, ngày 10 tháng 03 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty sản xuất, kinh doanh trang thiết bị y tế, hoá chất
xét nghiệm

Bệnh viện đa khoa khu vực Hoàng Su Phì đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để
có cơ sở tham khảo trên thị trường, xây dựng giá kế hoạch cho công tác mua sắm một
số loại vật tư, dụng cụ y tế, hoá chất xét nghiệm phục vụ công tác khám, chữa bệnh
với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá.

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa khu vực Hoàng Su Phì.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
- Ds Trần Tuấn Anh; Khoa Dược – VT, TBYT. Số điện thoại : 0915.903.663
- Cách thức tiếp nhận báo giá:

Đơn vị nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- *Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện đa khoa khu vực Hoàng Su Phì.
Địa chỉ. Tổ 3 thị trấn Vinh Quang huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang*
- *Nhận qua email: khoaduochsp@gmail.com*

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 10h ngày 10 tháng 3 năm 2025 đến trước
17h ngày 17 tháng 3 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 10 tháng 3
năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục vật tư y tế, dụng cụ y tế, hoá chất xét nghiệm.

(Theo phụ lục đính kèm).

2. Mẫu báo giá (Phụ lục II). Rất mong sự hợp tác của Quý đơn vị!

Bệnh viện đa khoa khu vực Hoàng Su Phì xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Ban giám đốc BV;
- Đăng website bệnh viện;
- Các nhà cung cấp dịch vụ;
- Lưu: KTTC, KD, VT.

GIÁM ĐỐC

Sin Đức Văn

PHỤ LỤC YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo thông báo số /TB – BV, ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì)

STT	Tên Hàng Hóa	Thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	I/ Hoá chất xét nghiệm miễn dịch.				
1	Hóa chất xét nghiệm định lượng B hCG toàn phần	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng gonadotrophin màng đệm ở người (Total βhCG) trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương người.</p> <p>*Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có gonadotropin kháng màng đệm ở người và chất liên hợp peptit IgG-hCG của chuột ở vạch xét nghiệm, và streptavidin ở vạch kiểm soát. - Phần phát hiện có chứa chất liên hợp huỳnh quang gonadotropin kháng màng đệm người, chất liên hợp huỳnh quang biotin-BSA, albumin huyết thanh bò (BSA) như một chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm photphat (PBS). - Phần dung dịch pha loãng chứa albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định, tween 20 làm chất tẩy rửa và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm photphat. <p>*Dải đo: 5-50,000 mIU/mL</p>	Hộp	02	
	II/ Hoá chất xét nghiệm sinh hoá.				
1	Hóa chất định lượng GOT	<p>- Thành phần hoạt chất:</p> <p>Hóa chất R1: Tris pH 7.8: 110 mmol/L; L-Aspartate: 340 mmol/L; MDH: 0.5 kU/L; LDH: 1.1 kU/L</p> <p>Hóa chất R2: 2-Oxoglutarate: 85 mmol/L; NADH: ≥ 1 mmol/L</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp $\geq 4 \times 50$mlR1, $4 \times 12,5$mlR2 	Hộp	06	

2	Hóa chất định lượng GPT	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Tris, pH 7.5: 138 mmol/L; L-Alanine: 709 mmol/L; LDH: 1500 U/L Hóa chất R2: 2-Oxoglutarate: 85 mmol/L; NADH: ≥ 1 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp $\geq 4 \times 50$ml R1, $4 \times 12,5$ml R2 	Hộp	06	
3	Hóa chất xét nghiệm định lượng CRP	Bao gồm thành phần: TRIS buffer pH (8.2): 20mmol/L; Latex particales coated with goat anti-human CRP (pH 7.3).- Bước sóng 340 nm.	Hộp	06	
4	Hóa chất định lượng Ure UV	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Tris buffer pH 7.8: 150 mmol/L; 2-oxiglutarate: 9 mmol/L; ADP: 0.75 mmol/L; Urease: ≥ 7 KU/L; GLDH (Glutamate dehydrogenase, bovine): ≥ 1 KU/L Hóa chất R2: NADH: 1.3 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp $\geq 8 \times 50$ml R1, $8 \times 12,5$ml R2 	Hộp	04	
5	Hóa chất định lượng Creatinine	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Sodium Hydroxide: 0.2 mol/L. - Đạt tiêu chuẩn : ISO 13485 Hóa chất R2: Picric Acid: 20 mmol/L. - Đóng gói: Hộp $\geq 8 \times 50$ml R1, $8 \times 12,5$ml R2 	Hộp	04	
6	Hóa chất định lượng Cholesterol	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hoạt chất: Good 's buffer pH 6.7 : 50 mmol/L; Phenol: 5 mmol/L; 4-Aminoantiprine : 0.3 mmol/L; Cholesterol esterase (CHE) : ≥ 200 U/L; Cholesterol oxidase (CHO): ≥ 50 U/L; Peroxidase (POD) : ≥ 3 kU/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp $\geq 8 \times 50$ml 	Hộp	02	
7	Hóa chất định lượng Triglycerides	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hoạt chất: Good's buffer pH 7.2: 50 mmol/L; 4 Chlorophenol: 4 mmol/L; Mg²⁺: 15 mmol/L; ATP: 2 mmol/L; Glycerolkinase (GK): ≥ 0.4 kU/L; Peroxidase (POD): ≥ 2 kU/L; Lipoprotein lipase (LPL): ≥ 2 kU/L; 4-Aminoantipyrine: 0.5 mmol/L; Glycerol-3-phosphate-oxidase (GPO): ≥ 0.5 kU/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp $\geq 8 \times 50$ml 	Hộp	02	

8	Hóa chất định lượng CK NAC	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Imidazole pH 6.0: 60 mmol/L; Glucose: 27 mmol/L; N-Acetylcysteine (NAC): 27 mmol/L; Magnesium acetate: 14 mmol/L; EDTA-Na2: 2 mmol/L; NADP: 2.7 mmol/L; Hexokinase (HK): ≥ 5 kU/L; Hóa chất R2: Imidazole pH 9.0: 160 mmol/L; ADP: 11 mmol/L; AMP: 28 mmol/L; Diadenosine pentaphosphate: 55 μmol/L; Glucose-6-phosphate dehydrogenase (G6P-DH): ≥ 14 kU/L; EDTA-Na2: 2 mmol/L; Creatine phosphate: 160 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp $\geq 1 \times 50 \text{ml R1}$, $1 \times 12,5 \text{ml R2}$ 	Hộp	01	
9	Hóa chất định lượng CK-MB	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Imidazole Good's buffer: 120 mmol/L; Glucose: 25 mmol/L; N-Acetyl Cysteine (NAC): 25 mmol/L; Magnesium acetate: 12.5 mmol/L; EDTA-Na2: 2 mmol/L; NADP: 2.5 mmol/L; Hexokinase (HK): ≥ 5 kU/L; Kháng thể đơn dòng chống lại CK-M ở người (chuột); năng lực ức chế: 2500 U/L Hóa chất R2: Imidazole/Good's buffer: 90 mmol/L; ADP: 10 mmol/L; AMP: 28mmol/L; Glucose-6-Phosphate-Dehydrogenase (G6P-DH): ≥ 15 kU/L; Diadenosine pentaphosphate: 50 μmol/L; Creatine phosphate: 150 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp $\geq 4 \times 10 \text{ml R1}$, $1 \times 10 \text{ml R2}$ 	Hộp	01	
10	Hóa chất định lượng Albumin	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hoạt chất: Citrate buffer pH 4.2: 30 mmol/L; Bromocresol green: 0.26 mmol/L - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp $\geq 4 \times 50 \text{ mL}$ / hộp 	Hộp	02	
11	Hóa chất định lượng HbA1C	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần R1: Latex; Sodium azide : 0.95 g/L R2: Anti-human HbA1c mouse monoclonal antibody; Bis-Tris buffer Stabilizers, Sodium azide <0.1% - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 - Đóng gói: $\geq 1 \times 45 \text{ ml R1}$; $1 \times 15 \text{ ml R2}$ 	Hộp	01	
12	Hóa chất nội kiểm sinh hóa mức thường	<ul style="list-style-type: none"> - Huyết thanh kiểm soát N ở dạng đông khô có nguồn gốc từ huyết thanh người kết hợp với các sản phẩm hóa học và sinh hóa có độ tinh khiết cao. Trước khi đông 	Hộp	01	

	(control N)	khô, các tác nhân kìm khuẩn đã được thêm vào để giảm thiểu nguy cơ nhiễm khuẩn. Nồng độ của thử nghiệm ở mức bình thường hoặc ở đường ranh giới của mức bệnh lý. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 - Đóng gói: ≥ 5 ml / lọ			
13	Hóa chất định lượng Glucose	- Thành phần hoạt chất: Phosphate buffer pH 7.5: 250 mmol/L; Phenol: 5 mmol/L; 4-Aminoanitipyrine: 0.5 mmol/L; Glucose Oxidase (GOD): ≥ 10 kU/L; Peroxidase (POD): ≥ 1 kU/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp $\geq 8 \times 50$ ml	Hộp	04	
14	Hóa chất định lượng Calcium	- Thành phần hoạt chất: Thuốc thử R1: pH 10.7; Ethanolamine: 750 mmol/L; Thuốc thử: R2 pH 1.1; o-Cresolphthalein complexone: 0.13 mmol/L; 8-Hydroxyquinoline: 35 mmol/L; Hydrochloric acid: 100 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp $\geq 8 \times 50$ ml R1, $8 \times 12,5$ ml R2	Hộp	01	
III/ Hoá chất xét nghiệm huyết học.					
1	Dung dịch pha loãng	- Thành phần hoạt tính: Sodium Chloride 3.0 - 5.5g/L; Sodium Sulfate Anhydrous 7.5 - 11.5g/L; Buffering Agents 1.0 - 3.0g/L; Anti-fungal and Anti-bacterial Agents 0.8 - 2.5g/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Đóng gói: \geq Thùng 20 lít	Thùng	06	
2	Dung dịch rửa thường	- Thành phần hoạt tính: Sodium Sulfate Anhydrous 3.0 - 5.5g/L; Sodium Chloride 7.5 - 11.5g/L; Anti-fungal and Anti-bacterial Agents 1.0 - 3.0g/L Polyoxyethylene Ester 0.3 - 1.5g/L - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 - Đóng gói: Can $\geq 5,5$ lít	Can	03	
3	Dung dịch phá vỡ hồng cầu	- Thành phần hoạt tính: Quarternary Ammonium Salts <50 g/L; Nonion Surfactant <15 g/L; Isopropanol 0.1-1.5ml/L; Ethanol <1.5 ml/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Can	03	

		- Đóng gói: Chai ≥ 500 ml			
4	Chuẩn máu huyết học	'- Nội kiểm cho máy huyết học 3 thành phần, 3 mức Thấp-Trung-Cao. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Quy cách: Hộp 3 lọ x 2 ml	Bộ	01	
IV/ Hoá chất xét nghiệm điện giải.					
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Na, K, Ca, pH	*Pack Na / K / Ca / pH Solutions Pack sử dụng trong xác định định lượng các ion Natri (Na +), Kali (K +), Canxi (Ca ++) và pH trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần và nước tiểu người bằng tương thích với Máy xét nghiệm điện giải Model: EasyLyte. *Thành phần: Standard A Solution, 800mL: 145.0 mmol/L Na+; 4.0 mmol/L K+; 1.25 mmol/L Ca++; 7.4 đơn vị pH; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Standard B Solution, 180mL: 80.0 mmol/L Na+; 10.0 mmol/L K+; 2.5 mmol/L Ca++; 6.8 đơn vị pH; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Waste Container	Hộp	03	
2	Dung dịch rửa máy	Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên các máy xét nghiệm điện giải, khí Thành phần 1 hộp gồm: - Daily Cleaner Diluent- Pha loãng rửa hàng ngày: 1 lọ ≥ 90 ml HCl (0.2 N), NH ₅ F ₂ (0.05N) và muối. - Daily Cleaner Powder - Chất rửa hàng ngày dạng bột: 6 lọ, pepsin 0.5g	Hộp	01	
V/ Hoá chất xét nghiệm đông máu					
1	Thuốc thử xét nghiệm Prothrombin Time	Hóa chất dùng để xác định Prothrombin Time (PT) bằng phương pháp thủ công hoặc tự động. PT-SI có thể được sử dụng để xét nghiệm các yếu tố đông máu trong các con đường đông máu ngoại sinh và con đường chung. Thành phần gồm có: - Hoá chất Thromboplastin (dạng đông khô) chứa Chiết xuất não thỏ > 10%, Sodium azide < 0,01% - Đệm CaCl ₂ , Sodium azide < 0,01%	Hộp	01	
2	Thuốc thử xét nghiệm APTT	Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT sử dụng chất hoạt hóa axit Ellagic, dùng để xác định thời gian Thromboplastin một phần hoạt hóa (aPTT) bằng phương pháp thủ công và	Hộp	01	

		<p>tự động.</p> <p>Thành phần gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoá chất 1 (6x4ml): Hóa chất aPTT-EL: Cephalin năo thỏ < 1.0%, ellagic acid, sodium azide < 0,01%; - Hóa chất 2 (6x4ml): Dung dịch CaCl₂ 0,02 mol/l, sodium azide < 0,01%, muối và chất ổn định. 			
3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Fibrinogen	<p>Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen dùng xác định Fibrinogen trong huyết tương bằng phương pháp thủ công và tự động.</p> <p>Thành phần gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất Fibrinogen dạng đông khô 5x2ml, thành phần: thrombin người 80 - 100 IU/ml, sodium azide < 0,01%. - Dung dịch đệm Imidazole Buffered Saline 1x100mL, pH 7.4 ± 0.2, thành phần: imidazole 0,05mol/l, đệm và chất ổn định. - Chất chuẩn: Fibrinogen huyết tương tham chiếu (dạng đông khô) 2x1 mL, thành phần: huyết tương người, sodium azide < 0,01%. 	Hộp	01	
4	Cuvet cho máy đông máu bán tự động	<p>Cuvet cho máy đông máu bán tự động, Hộp 250 cái.</p> <p>Tương thích với máy xét nghiệm đông máu: Model: Human</p>	Hộp	02	
VI/ Phim XQ kỹ thuật số.					
1	Phim khô X-Quang in laser 25cm x 30cm (Phim X-Quang kỹ thuật số)	Là loại phim khô Laser kích thước 25x30 cm, có thể nạp phim theo Cartridges dưới ánh sáng thường. Phim được phủ nền 7 triệu Poliester. Đạt các tiêu chuẩn: ISO 13485, hoặc FDA.	Tờ	4.600	
VII/ Dụng cụ hệ thống mổ nội soi.					
1	Nút cao su đầu trocar 6mm	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 6mm - Tương thích với hệ thống mổ nội soi Karl Stoz 	cái	10	
2	Hàm forceps kẹp lưỡng Take-Apart	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: bản rộng 3 mm, cỡ 5 mm, chiều dài 33 cm - Tương thích với hệ thống mổ nội soi Karl Stoz 	Cái	1	
3	Cáp cao tần lưỡng cực	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: dài 3m - Tương thích với hệ thống mổ nội soi Karl Stoz 	Cái	2	

4	Cáp cao tần đơn cực	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: dài 3 m - Tương thích với hệ thống mổ nội soi Karl Stoz 	Cái	1	
5	Lưỡi kéo cong Clickline	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: Hàm hoạt động kép, có răng cưa hàm dài 20 mm. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm - Tương thích với hệ thống mổ nội soi Karl Stoz 	Cái	1	
6	Clip Polymer kẹp mạch máu	<ul style="list-style-type: none"> - Các cỡ tương thích với hệ thống mổ nội soi Karl Stoz 	Cái	60	

Tên công ty:

Phụ Lục II

Địa chỉ:

Điện thoại.....Mã số thuế.....

Số tài khoản.....tại ngân hàng.....

MẪU PHỤ LỤC BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa khu vực Hoàng Su Phì.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*, chúng tôi *[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cung cấp Trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cung cấp Thiết bị y tế.

STT	Tên trang thiết bị y tế	Model/ Hãng SX/ Nước SX	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
1							
2							
...							
	Tổng số:						

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))